

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 29/2021/NQ-HĐND

Bắc Giang, ngày 10 tháng 8 năm 2021

## NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định một số định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của HĐND tỉnh Bắc Giang nhiệm kỳ 2021 - 2026

### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ 2

Căn cứ Luật Tổ chức quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 3 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị quyết số 524/2012/NQ-UBTVQH13 ngày 20 tháng 9 năm 2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIII về một số chế độ chi tiêu đảm bảo hoạt động của Quốc hội Khóa XIII;

Căn cứ Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu HĐND;

Xét Tờ trình số 362/TTr-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2021 của Thường trực HĐND tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tại kỳ họp.

### QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của HĐND tỉnh Bắc Giang nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Điều 2. Giao Thường trực HĐND tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang Khóa XIX, Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 10 tháng 8 năm 2021, có hiệu lực từ ngày 21 tháng 8 năm 2021 và thay thế Nghị quyết số 18/2016/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2016 của HĐND tỉnh quy định một số định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động HĐND tỉnh Bắc Giang, khóa XVIII, nhiệm kỳ 2016 - 2021./.

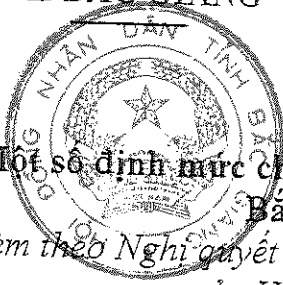
Nơi nhận: Lưu

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Vụ Pháp luật: Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bắc Giang;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các cơ quan, sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khóa XIX;
- Thường trực: Huyện ủy, HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh;
- Công thông tin Đại biểu dân cử Bắc Giang;
- Trung tâm thông tin, Văn phòng UBND tỉnh;
- Lãnh đạo, chuyên viên Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh.
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH



Lê Thị Thu Hồng



## QUY ĐỊNH

Một số định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động HĐND tỉnh  
Bắc Giang nhiệm kỳ 2021 - 2026

(Kèm theo Nghị quyết số 29/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 8 năm 2021  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang)

### Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy định này quy định một số định mức chi tiêu phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân (viết tắt là HĐND), Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND, đại biểu HĐND tỉnh Bắc Giang nhiệm kỳ 2021 - 2026.

#### Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND, đại biểu HĐND; cán bộ, công chức, người lao động cơ quan tham mưu giúp việc HĐND; công chức các cơ quan, ban, ngành được trung tập phục vụ hoạt động của HĐND tỉnh Bắc Giang.

#### Điều 3. Nguyên tắc chung

1. Việc chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND, đại biểu HĐND được trích từ nguồn dự toán kinh phí hoạt động của HĐND hàng năm đảm bảo đúng định mức, đối tượng quy định tại Nghị quyết này. Các chế độ chi tiêu tài chính không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Việc quản lý và sử dụng kinh phí phải đúng quy định, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

### Chương II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

#### Điều 4. Mức chi hỗ trợ hoạt động phục vụ kỳ họp, cuộc họp

1. Kỳ họp HĐND tỉnh

a) Chủ tọa và điều hành kỳ họp: 500.000 đồng/người/ngày.

b) Thư ký kỳ họp: 200.000 đồng/người/ngày.

c) Đại biểu HĐND tỉnh: 200.000 đồng/người/ngày.

d) Khách mời tham dự kỳ họp; cán bộ, công chức, người lao động Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh và người được trưng tập để phục vụ kỳ họp: 150.000 đồng/người/ngày.

đ) Hỗ trợ tiền ăn (người không ăn được thanh toán bằng tiền mặt): 250.000 đồng/ngày/người.

e) Chế độ phòng nghỉ, nước giải khát: Thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Họp thẩm tra của các Ban HĐND; thẩm định của Đảng đoàn HĐND; phiên họp thường kỳ của Thường trực HĐND tỉnh; họp lấy ý kiến đóng góp vào dự án luật, pháp lệnh; tham vấn ý kiến nhân dân.

a) Chủ trì cuộc họp: 200.000 đồng/người/buổi;

b) Thư ký, đại biểu mời dự họp, phóng viên báo, đài: 100.000 đồng/người/buổi;

c) Công chức, người lao động Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh phục vụ cuộc họp: 70.000 đồng/người/buổi.

### **Điều 5. Mức chi hỗ trợ hoạt động giám sát, khảo sát**

1. Mức chi xây dựng văn bản phục vụ giám sát, khảo sát

a) Chi xây dựng văn bản giám sát

- Xây dựng kế hoạch, đề cương giám sát: 2.000.000 đồng/văn bản;

- Xây dựng báo cáo kết quả giám sát đối với từng đơn vị giám sát: 1.000.000 đồng/báo cáo;

- Xây dựng báo cáo kết quả giám sát chung: 3.000.000 đồng/báo cáo.

b) Chi xây dựng văn bản phục vụ khảo sát chuyên đề

- Xây dựng đề cương khảo sát: 1.000.000 đồng/văn bản;

- Xây dựng báo cáo kết quả khảo sát: 2.000.000 đồng/báo cáo.

2. Chi hội nghị, cuộc họp

a) Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn giám sát, khảo sát: 200.000 đồng/người/buổi.

b) Thành viên đoàn giám sát, khảo sát; đại biểu mời dự; thành viên Tổ giúp việc; phóng viên báo, đài: 100.000 đồng/người/buổi.

c) Lái xe phục vụ hoạt động giám sát, khảo sát: 70.000 đồng/người/buổi.

### **Điều 6. Mức chi hỗ trợ tiếp xúc cử tri**

1. Hỗ trợ tiền trang trí khánh tiết, tiền nước uống tại các điểm tiếp xúc cử tri: 1.000.000 đồng/1 điểm/lần.

2. Mức chi bồi dưỡng tiếp xúc cử tri:

a) Đại biểu HĐND tỉnh: 200.000 đồng/buổi.

b) Cán bộ, công chức, người lao động Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh phục vụ tiếp xúc cử tri và phóng viên báo, đài: 100.000 đồng/buổi.

### **Điều 7. Mức chi hỗ trợ công tác xây dựng và ban hành văn bản**

1. Mức chi xây dựng văn bản, tài liệu phục vụ kỳ họp HĐND tỉnh

a) Soạn thảo dự thảo nghị quyết của Thường trực HĐND tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh: 2.000.000 đồng/nghị quyết.

- b) Xây dựng chương trình điều hành kỳ họp HĐND: 2.000.000 đồng/văn bản.
- c) Mức chi tổng hợp ý kiến thảo luận tại kỳ họp
- Xây dựng báo cáo tập hợp ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại Tổ và thảo luận tại hội trường: 500.000 đồng/báo cáo.
  - Xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến thảo luận chung của đại biểu HĐND tỉnh trình kỳ họp: 2.000.000 đồng/báo cáo.
- d) Xây dựng báo cáo tóm tắt kỳ họp phục vụ đại biểu HĐND tỉnh tiếp xúc cử tri: 2.000.000 đồng/báo cáo.
- đ) Tổng hợp các ý kiến chất vấn và trả lời chất vấn tại kỳ họp HĐND; gõ băng, file âm thanh; soạn thảo văn bản tổng hợp yêu cầu thực hiện các giải pháp nêu trong nội dung trả lời chất vấn: 300.000 đồng/văn bản.
- e) Rà soát nội dung, kỹ thuật, hoàn thiện nghị quyết trước và sau khi đã được HĐND thông qua tại kỳ họp: 200.000 đồng/01 trang khổ giấy A4 nhưng tối đa không quá 1.500.000 đồng/ng nghị quyết.
- f) Xây dựng báo cáo kết quả công tác của Thường trực HĐND, các Ban của HĐND định kỳ trình kỳ họp HĐND tỉnh: 1.000.000 đồng/báo cáo.
- g) Xây dựng báo cáo tổng kết nhiệm kỳ HĐND (05 năm) của Thường trực HĐND, các Ban của HĐND tỉnh : 2.000.000 đồng/báo cáo.
- h) Xây dựng biên bản tóm tắt kỳ họp HĐND tỉnh: 1.500.000 đồng/văn bản.
- i) Xây dựng báo cáo thẩm định của Đảng đoàn HĐND tỉnh: 2.000.000 đồng/báo cáo.
2. Mức chi hỗ trợ xây dựng thông báo, kết luận phiên họp của Thường trực HĐND tỉnh: 1.000.000 đồng/văn bản.
3. Mức chi soạn thảo báo cáo thẩm tra của các Ban của HĐND tỉnh: 2.000.000 đồng/báo cáo.
4. Mức chi xây dựng báo cáo thẩm định đề nghị xây dựng nghị quyết trình HĐND tỉnh: 1.000.000 đồng/báo cáo.
5. Mức chi xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia các dự án luật, pháp lệnh và dự thảo văn bản quy phạm pháp luật khác theo yêu cầu của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và các Bộ, ngành: 800.000 đồng/báo cáo.
6. Mức chi xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị cử tri: 1.000.000 đồng/báo cáo.
7. Mức chi hoạt động tham vấn ý kiến nhân dân
- a) Hoạt động điều tra xã hội học
- Lập mẫu phiếu điều tra: 500.000 đồng/mẫu phiếu;
  - Chi trả thù lao người cung cấp thông tin: 30.000 đồng/phiếu;
  - Chi trả thù lao người đi điều tra: 10.000 đồng/phiếu.
- b) Xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến tham vấn: 1.000.000 đồng/báo cáo.
8. Mức chi viết bài phản biện, tham gia ý kiến, đánh giá tác động của văn bản mới theo yêu cầu của Thường trực HĐND: tùy theo nội dung và tính cấp thiết Thường trực HĐND quyết định mức chi tối đa không quá 1.000.000 đồng/bài.

9. Hỗ trợ cán bộ, công chức Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh kinh phí xây dựng các nghị quyết của HĐND: Mức chi do Thường trực HĐND tỉnh quyết định, nhưng tối đa không quá 400.000 đồng/ng nghị quyết.

**Điều 8. Mức hỗ trợ và các điều kiện đảm bảo hoạt động của đại biểu HĐND tỉnh**

Ngoài việc được hưởng mức hoạt động phí theo Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, các đại biểu HĐND tỉnh được hưởng các chế độ hỗ trợ sau:

1. Trong nhiệm kỳ 2021 - 2026 của HĐND tỉnh:
  - Đại biểu HĐND tỉnh được hỗ trợ tiền may 02 bộ trang phục, mức chi: 5.000.000 đồng/bộ.
  - Đại biểu HĐND tỉnh được hỗ trợ 10.000.000 đồng để mua 01 máy vi tính xách tay hoặc máy tính bảng.
  - Được cấp lần đầu một số dụng cụ để phục vụ hoạt động đại biểu HĐND tỉnh (cặp da, sổ ghi chép, phù hiệu,...), mức chi do Thường trực HĐND tỉnh quyết định trên cơ sở dự toán ngân sách được cấp.
  - Được chăm sóc sức khỏe và nghỉ dưỡng, mức chi tối đa 5.000.000 đồng/đại biểu/năm, giao Thường trực HĐND tỉnh tổ chức thực hiện.
  - Tặng quà lưu niệm: Đại biểu HĐND tỉnh được tặng quà lưu niệm khi nghỉ hưu, chuyển công tác và kết thúc nhiệm kỳ HĐND: Mức chi do Thường trực HĐND tỉnh quyết định trên cơ sở dự toán ngân sách được cấp.

2. Hỗ trợ văn phòng phẩm; phí khai thác internet; tìm kiếm, tra cứu thông tin; nghiên cứu tài liệu:

- Đại biểu chuyên trách: 1.000.000 đồng/tháng;
- Đại biểu kiêm nhiệm: 500.000 đồng/tháng.

3. Hỗ trợ may trang phục cho cán bộ, công chức, người lao động Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh 01 bộ, trị giá: 5.000.000 đồng/nhiệm kỳ.

**Điều 9. Mức chi hỗ trợ hoạt động của các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND tỉnh**

a) Ngoài các nội dung chi theo quy định, chi hỗ trợ hoạt động của các Ban của HĐND tỉnh (đôi nội, đôi ngoại, chi khác): 150.000.000 đồng/năm.

b) Hỗ trợ hoạt động các Tổ đại biểu HĐND tỉnh: 20.000.000 đồng/năm.

**Điều 10. Mức chi thăm hỏi, ốm đau, khó khăn đột xuất và việc tang**

1. Đại biểu HĐND tỉnh khi bị ốm đau được chi tiền thăm hỏi: 1.000.000 đồng/người/lần. Trường hợp bị bệnh hiểm nghèo, phải điều trị kéo dài thì mức chi trợ cấp một lần tối đa không quá 5.000.000 đồng, chi không quá 2 lần/người/năm.

2. Mức chi viếng đại biểu HĐND tỉnh từ trần: 2.000.000 đồng/người.

3. Mức chi viếng cha, mẹ đẻ; cha, mẹ vợ (chồng), vợ (chồng), con đại biểu HĐND tỉnh từ trần: 1.500.000 đồng/người.

### Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

#### Điều 11. Trách nhiệm thi hành

1. Các mức chi quy định tại Nghị quyết này áp dụng cho HĐND cấp tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh và các cơ quan liên quan có trách nhiệm thực hiện nghiêm định mức chi tiêu nêu trong Quy định này.

Hàng năm, căn cứ quy định của pháp luật về quản lý ngân sách nhà nước, định mức chi tiêu tài chính được quy định tại Nghị quyết này và nhiệm vụ được giao, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh xây dựng dự toán kinh phí đảm bảo hoạt động của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban HĐND tỉnh, Tổ đại biểu HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh gửi cơ quan tài chính để tổng hợp tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

2. HĐND các huyện, thành phố căn cứ Quy định này, ban hành nghị quyết quy định cụ thể định mức chi tiêu của HĐND cấp mình và cấp xã theo nguyên tắc:

a) Mức chi đối với HĐND các huyện, thành phố không quá 70% mức chi của HĐND cấp tỉnh.

b) Mức chi đối với HĐND các xã, phường, thị trấn không quá 70% mức chi của HĐND cấp huyện, thành phố.

3. Kinh phí phục vụ hoạt động của HĐND cấp huyện, xã do ngân sách cấp huyện, xã đảm bảo theo quy định.

#### Điều 12. Sửa đổi, bổ sung Quy định

1. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các Ban HĐND tỉnh, Tổ đại biểu HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh và Thường trực HĐND các huyện, thành phố phản ánh về Thường trực HĐND tỉnh để xem xét, trình HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung tại kỳ họp gần nhất.

2. Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo các bộ phận chuyên môn thuộc Văn phòng thường xuyên rà soát nội dung và định mức chi của Quy định này; tiếp nhận phản ánh của các Ban HĐND tỉnh, Tổ đại biểu HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh và Thường trực HĐND các huyện, thành phố, kịp thời báo cáo và đề xuất Thường trực HĐND tỉnh biện pháp giải quyết./.

---

